

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Phương

2. Ngày tháng năm sinh: 13/03/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Quảng Hùng, Sầm Sơn, Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 197/54/23, KP 1, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): B0703 chung cư Phú Đông Premier, 42 Lê Trọng Tấn, P. An Bình, TP. Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0399262004;

E-mail: phuongl@uel.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,2007 đến tháng, năm 12,2008: trợ giảng tại Khoa Toán – Tin, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 04,2013 đến tháng, năm 12,2016: giảng viên tại Bộ môn Toán Kinh tế, Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 01,2017 đến tháng, năm 03,2021: giảng viên, phó chủ nhiệm bộ môn tại Bộ môn Toán Kinh tế, Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: không; Chức vụ cao nhất đã qua: phó chủ nhiệm bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 669 Quốc lộ 1, KP 3, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02837244555

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 10 tháng 09 năm 2007, số văn bằng: 9TN/TT09-2007, ngành: Toán – Tin học, chuyên ngành: Toán Giải tích; Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

- Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 11 năm 2012, số văn bằng: 876, ngành: Toán – Tin học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường ĐH Calabria, Italy

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Sự tồn tại và không tồn tại nghiệm của các loại phương trình đạo hàm riêng,

- Tính ổn định, đơn điệu và đối xứng của nghiệm,

- Các đánh giá tiên nghiệm và tính chính quy của nghiệm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo khoa học, trong đó 38 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	2016

2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	2017
3	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	2020
4	Bằng khen của Thống đốc	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác của giảng viên được Bộ môn, Khoa và Trường phân công,
- Có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn,
- Đoàn kết, hòa nhã với đồng nghiệp và bạn bè; ân cần, tận tụy với sinh viên và học viên; luôn trung thực, khách quan trong công tác.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2015-2016					675		675/1548.5/270
2	2016-2017					645		645/1402.5/249.75
3	2017-2018					510		510/1328.03/229.5
03 năm học cuối								
4	2018-2019					450		450/929.44/229.5
5	2019-2020					510		510/971.23/229.5
6	2020-2021			1		540		540/1086.86/229.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Italy năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

--

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Đặng Minh Huy		X	X		07/2020 đến 01/2021	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	19/07/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	ĐT: Phép biến đổi Copula và ứng dụng trong quản trị rủi ro	CN	CT-1906-121, cấp Cơ sở	30/06/2019 đến 30/12/2020	31/12/2020 Khá	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Local $W^{2,m}(\square)$ regularity for $p(\square)$ -Laplace equations	3	Không	Manuscripta Mathematica	Q1 - SCIE <i>IF: 0.497</i>	4	140, 3-4, 481–496	03/2013

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
2	On $O(k)$ -invariant solutions of semilinear elliptic equations	1	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications	Q1 - SCIE IF: 1.12		412, 1, 138–141	04/2014
3	Liouville theorems for stable solutions of p-Laplace equations with convex nonlinearities	1	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications	Q2 - SCIE IF: 1.064	6	443, 1, 431–444	11/2016
4	Nonexistence of stable solutions to p-Laplace equations with exponential nonlinearity	1	Có	Electronic Journal of Differential Equations	Q3 - SCIE IF: 0.954	3	2016 326	12/2016
5	Radial solutions to semilinear elliptic equations via linearized operators	1	Có	Electronic Journal of Qualitative Theory of Differential Equations	Q3 - SCIE IF: 0.881		2017 26	04/2017

6	Stable solutions to weighted quasilinear problems of Lane-Emden type	2	Có	Electronic Journal of Differential Equations	Q3 - SCIE IF: 0.69	1	2018 71	03/2018
7	On stable solutions to weighted quasilinear problems of Gelfand type	3	Có	Mediterranean Journal of Mathematics	Q2 - SCIE IF: 1.181	2	15, 3, 94	04/2018
8	Low dimensional instability for quasilinear problems of weighted exponential nonlinearity	1	Có	Mathematische Nachrichten	Q1 - SCIE IF: 0.847	1	291, 14-15, 2288-2297	10/2018
9	On positive stable solutions to weighted quasilinear problems with negative exponent	3	Có	Complex Variables and Elliptic Equations	Q2 - SCIE IF: 0.806	4	63, 12, 1739-1751	12/2018
10	Liouville results for stable solutions of quasilinear equations with weights	2	Có	Acta Mathematica Scientia	Q2 - SCIE IF: 0.919		39, 2, 357-368	03/2019

11	Positive solutions of the p-Kirchhoff problem with degenerate and sign-changing nonlocal term	3	Không	Zeitschrift für angewandte Mathematik und Physik	Q1 - SCIE <i>IF: 1.428</i>		70, 2, 68	04/2019
12	Liouville theorems for Kirchhoff equations in $\mathbb{R}^N$	3	Có	Journal of Mathematical Physics	Q2 - SCIE <i>IF: 1.317</i>	1	60, 6, 061506	06/2019
13	Classification results for Kirchhoff equations in $\mathbb{R}^N$	3	Không	Complex Variables and Elliptic Equations	Q2 - SCIE <i>IF: 0.695</i>	1	64, 7, 1146-1157	07/2019
14	Solutions of homogeneous fractional p-Kirchhoff equations in $\mathbb{R}^N$	3	Không	Miskolc Mathematical Notes	Q3 - SCIE <i>IF: 0.677</i>		20, 2, 957-968	07/2019
15	Symmetry and nonexistence results for a fractional Hénon-Hardy system on a half-space	2	Có	Rocky Mountain Journal of Mathematics	Q3 - SCIE <i>IF: 0.464</i>		49, 3, 789-816	07/2019

16	Liouville theorem and classification of positive solutions for a fractional Choquard type equation	1	Có	Nonlinear Analysis	Q1 - SCIE <i>IF: 1.587</i>	2	185 123-141	08/2019
17	Symmetry and classification of solutions to an integral equation of the Choquard type	1	Có	Comptes Rendus Mathematique	Q1 - SCIE <i>IF: 0.719</i>	1	357, 11-12, 878-888	12/2019
18	Liouville theorems for stable weak solutions of elliptic problems involving Grushin operator	1	Có	Communications on Pure and Applied Analysis	Q1 - SCIE <i>IF: 1.105</i>		19, 1, 511-525	01/2020
19	Symmetry of singular solutions for a weighted Choquard equation involving the fractional p-Laplacian	1	Có	Communications on Pure and Applied Analysis	Q1 - SCIE <i>IF: 1.105</i>		19, 1, 527-539	01/2020

20	Liouville theorems for an integral equation of Choquard type	1	Có	Communications on Pure and Applied Analysis	Q1 - SCIE IF: 1.105	1	19, 2, 771–783	02/2020
21	Symmetry of solutions for a fractional p-Laplacian equation of Choquard type	1	Có	International Journal of Mathematics	Q1 - SCIE IF: 0.604		31, 4, 2050026	02/2020
22	On classical solutions to the Hartree equation	1	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications	Q2 - SCIE IF: 1.22	1	485, 2, 123859	05/2020
23	Fractional p-Laplacian problems with negative powers in a ball or an exterior domain	2	Không	Journal of Pseudo-Differential Operators and Applications	Q3 - SCIE IF: 0.532		11, 2, 789–803	06/2020
24	Instability of solutions to Kirchhoff type problems in low dimension	2	Có	Annales Polonici Mathematici	Q3 - SCIE IF: 0.5		124, 1, 75-91	08/2020

25	On some bivariate copula transformations	2	Có	Thai Journal of Mathematics	Q4 - ESCI		18, 3, 1063–1079	09/2020
26	Liouville-type theorems for sub-elliptic systems involving $\Delta\lambda$ -Laplacian	3	Không	Complex Variables and Elliptic Equations	Q3 - SCIE IF: 0.695		66, x, online first	09/2020
27	A nonexistence result for anisotropic problems	3	Có	Nonlinearity	Q1 - SCIE IF: 1.505		33, 12, 7040–7053	11/2020
28	Symmetry of positive solutions to Choquard type equations involving the fractional p-Laplacian	1	Có	Acta Applicandae Mathematicae	Q2 - SCIE IF: 0.974		170 387–398	12/2020
29	Stable solutions to the static Choquard equation	1	Có	Bulletin of the Australian Mathematical Society	Q2 - SCIE IF: 0.542		102, 3, 471–478	12/2020

30	Liouville theorem for fractional Hénon-Lane-Emden systems on a half space	1	Có	Proceedings of the Royal Society of Edinburgh Section A: Mathematics	Q1 - SCIE <i>IF: 1.009</i>	1	150, 6, 3060–3073	12/2020
31	Symmetry and nonexistence results for a fractional Choquard equation with weights	3	Có	Discrete and Continuous Dynamical Systems	Q1 - SCIE <i>IF: 1.338</i>		41, 2, 489–505	02/2021
32	Classification results for a sub-elliptic system involving the $\Delta\lambda$ -Laplacian	4	Không	Mathematical Methods in the Applied Sciences	Q2 - SCIE <i>IF: 1.626</i>		44, 5, 3615–3629	03/2021
33	Classification of nonnegative solutions to an equation involving the Laplacian of arbitrary order	1	Có	Discrete and Continuous Dynamical Systems	Q1 - SCIE <i>IF: 1.338</i>		41, 4, 1605–1626	04/2021

34	Stable and finite Morse index solutions of a nonlinear Schrödinger system	1	Có	Nonlinear Differential Equations and Applications	Q1 - SCIE <i>IF: 1.132</i>		28, 4, 39	05/2021
35	Symmetry of positive solutions to quasilinear fractional systems	1	Có	Taiwanese Journal of Mathematics	Q2 - SCIE <i>IF: 0.647</i>		25, 3, 517–534	06/2021
36	Liouville theorems for a p-Laplace equation with Hartree type nonlinearity	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Q2 - ESCI		49, x, online first	06/2021
37	Classification of solutions to higher fractional order systems	1	Có	Acta Mathematica Scientia	Q2 - SCIE <i>IF: 0.919</i>		41, 4, 1302–1320	07/2021
38	Method of scaling spheres for integral and polyharmonic systems	1	Có	Journal of Differential Equations	Q1 - SCIE <i>IF: 2.192</i>		298 132-158	07/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 31 ([2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10] [12] [15] [16] [17] [18] [19] [20] [21] [22] [24] [25] [27] [28] [29] [30] [31] [33] [34] [35] [36] [37] [38])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Chương trình đào tạo: Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	Tham gia	2395/QĐ-ĐHNH, 06/11/2019	Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	11/QĐ-ĐHNH, 06/01/2020	.
---	---	----------	-----------------------------	-------------------------------------	---------------------------	---

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Solutions of homogeneous fractional p-Kirchhoff equations in RN, Miskolc Mathematical Notes 20 (2019), 957-968

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Classification results for a sub-elliptic system involving the $\Delta\lambda$ -Laplacian, Mathematical Methods in the Applied Sciences 44 (2021), 3615-3629

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)